SỐ ĐƠN VỊ NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN PHÂN THEO QUI MÔ DIỆN TÍCH ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐANG SỬ DỤNG, LOẠI HÌNH VÀ NGÀNH

	Tổng số	Chia theo qui mô diện tích đất sản xuất nông nghiệp								
		Không sử dụng đất	Dưới 0,2 ha	Từ 0,2 đến dưới 0,5 ha	Từ 0,5 đến dưới 1 ha	Từ 1 đến dưới 2 ha	Từ 2 đến dưới 3 ha	Từ 3 đến dưới 5 ha	Từ 5 đến dưới 10 ha	Từ 10 ha trở lên
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số	**72.07**	**19.222**	**9.366**	**19.647**	**11.97**	**7.908**	**2.368**	**1.173**	**344**	**72**
- Doanh nghiệp	37	34								3
- Hợp tác xã	21	17							1	3
- Hộ	72.012	19.171	9.366	19.647	11.97	7.908	2.368	1.173	343	66
+ Trang trại	44	15	1	2	1	2		2	6	15
Đơn vị nông nghiệp	**60.81**	**8.619**	**9.184**	**19.405**	**11.868**	**7.835**	**2.348**	**1.153**	**333**	**65**
- Doanh nghiệp	3	2								1
- Hợp tác xã	20	16							1	3
- Hộ	60.787	8.601	9.184	19.405	11.868	7.835	2.348	1.153	332	61
+ Trang trại	30	1	1	2	1	2		2	6	15
Đơn vị lâm nghiệp	**569**	**460**	**39**	**29**	**26**	**6**	**4**	**1**	**1**	**3**
- Doanh nghiệp	2									2
- Hợp tác xã										
- Hộ	567	460	39	29	26	6	4	1	1	1
+ Trang trại										
Đơn vị thủy sản	**10.691**	**10.143**	**143**	**213**	**76**	**67**	**16**	**19**	**10**	**4**
- Doanh nghiệp	32	32								
- Hợp tác xã	1	1								
- Hộ	10.658	10.11	143	213	76	67	16	19	10	4
+ Trang trại	14	14								